

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/DS-ST

Ngày: 30/9/2022

(V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Văn An

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Dương Thị Tú Phương

2/. Bà Võ Tuyết Kha

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2022/TLST- DS ngày 16 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 190/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Bà LTC, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp VH, xã VT, huyện PL, tỉnh BL.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Hồ Huỳnh TòH, sinh năm 1982.

Địa chỉ liên hệ: Công ty luật TNHH MTV Thái Sơn; Số 45H, Lê Duẩn, khóm 7, phường 1, Tp. BL, tỉnh BL.

2/. Đồng bị đơn:

2.1/. Ông LVN.

2.2/. Bà LTU, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Ấp TT A, xã VT, huyện PL, tỉnh BL.

3/. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông THD, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp VH, xã VT, huyện PL, tỉnh BL.

(Chị H, ông D có đơn xét xử vắng mặt, ông N, bà U vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2021, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Hồ Huỳnh Tô H trình bày: Trước đây từ năm 2014 cho đến năm 2021, bà LTC bắt đầu giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc với vợ chồng ông LVN và bà LTU với hình thức mua bán trả dần vào cuối vụ. Khi hai bên không còn giao dịch mua bán với nhau nữa thì đến ngày 11/4/2019 (âm lịch) nhằm ngày 15/5/2019 (dương lịch), hai bên có tổng kết nợ lại với nhau thì ông N và bà U thừa nhận còn thiếu bà C với số tiền là 50.000.000 đồng. Khi đó, do chưa có tiền trả cho bà C nên ông N và bà U đồng ý thỏa thuận tính lãi với bà C số tiền trên với lãi suất là 1%/tháng cho đến khi nào trả hết số tiền trên cho bà C. Nhưng từ khi hai bên thỏa thuận với nhau cho đến nay thì vợ chồng ông N và bà U không trả cho bà C thêm được khoản tiền nào cả. Mặc dù, bà C đã rất nhiều lần đến để nhắc số tiền nợ trên đối với vợ chồng ông N và bà U. Tuy nhiên, đến nay ông N và bà U vẫn không có thiện chí để trả số tiền trên cho bà C nên nay bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông LVN và bà LTU cùng có nghĩa vụ trả cho bà LTC số tiền gốc còn thiếu là 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hai bên thỏa thuận 1%/tháng kể từ ngày 11/4/2019 (âm lịch) nhằm ngày 15/5/2019 (dương lịch) đến ngày xét xử hôm nay.

Theo đồng bị đơn bà LTU trình bày: Trước đây vào khoảng thời gian nào bà không nhớ chính xác nhưng có khoảng gần 10 năm nay, giữa vợ chồng bà với bà C có giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi heo với nhau làm rất nhiều lần, hai bên thỏa thuận thanh toán bằng hình thức khi nào bán đàn heo hoặc vào mỗi vụ lúa sẽ trả số tiền thức ăn còn thiếu cho bà C. Cho đến ngày 11/4/2019 (âm lịch), khi hai bên không còn giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi với nhau nữa thì hai bên có tổng kết nợ lại với nhau, bà và ông N còn thiếu bà C số tiền là 50.000.000 đồng và do khi đó chưa có tiền trả cho bà C nên bà và ông N có đồng ý thỏa thuận với bà C tính lãi suất là 1%/tháng đối với số tiền trên. Tuy nhiên, vào ngày 28/12/2019 (âm lịch) bà có trả cho ông D là chồng của bà C số tiền là 10.000.000 đồng, bà là người trực tiếp đưa tiền số tiền trên cho ông D. Mặc dù, khi đưa số tiền 10.000.000 đồng cho ông D không có làm giấy tờ hay biên nhận gì với nhau nhưng khi đưa số tiền trên có anh Trảng là người làm công cho ông D và bà C chứng kiến. Nay bà C yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận là 1%/tháng thì bà không đồng ý. Nay bà U chỉ thừa nhận hiện tại vợ chồng bà còn thiếu bà C số tiền gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà xin được trả dần số tiền trên cho bà C.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông THD trình bày: Ông D thống nhất với lời trình bày theo đơn khởi kiện của vợ ông là bà LTC nên ông không có ý kiến bổ sung hay yêu cầu gì thêm. Đối với lời trình bày của chị LTU xác định vào ngày

28/12/2019 (âm lịch), bà U có đưa cho ông số tiền 10.000.000 đồng để trừ vào số nợ trên của bà C là hoàn toàn không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đồng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại các khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà LTC. Buộc ông LVN và bà LTU có nghĩa vụ trả cho của bà LTC và ông THD số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Dương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bà LTC có đơn khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với ông LVN và bà LTU. Ông LVN và bà LTU có địa chỉ cư trú tại huyện PL, tỉnh BL. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đối với yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm của chị HHTH và ông THD. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H và ông D.

Đối với ông LVN và bà LTU đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng ông N và bà U vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông LVN và bà LTU.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà LTC đối với ông LVN và bà LTU cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền mua bán thức ăn còn thiếu số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hai bên thỏa thuận 1%/tháng kể từ ngày 11/4/2019 (âm lịch) nhằm ngày 15/5/2019 (dương lịch) đến ngày xét xử hôm nay thì Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự thống nhất thừa nhận có việc giao dịch mua bán tài sản là thức ăn chăn nuôi gia súc với nhau, việc giao dịch mua bán thức ăn này là hoàn toàn tự nguyện và có xảy ra trên thực tế. Như vậy, lời thừa nhận của ông LVN và bà LTU về việc còn thiếu bà C số tiền 40.000.000 đồng là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy

định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật.

[3] Xét lời trình bày của bà LTU xác định: Vào ngày 28/12/2019 (âm lịch), bà là người trực tiếp đưa số tiền 10.000.000 đồng cho ông D để trừ số tiền nợ trên đối với bà C. Nhưng ông D không thừa nhận, bà U cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ và hợp pháp. Mặc khác, bà U xác định trong lúc đưa số tiền trên cho ông D thì có anh Trắng là người làm công cho ông D và bà C chứng kiến việc này, nhưng qua xác minh, làm việc với anh Phạm Văn Trắng thì anh Trắng trình bày không có lần nào anh chứng kiến việc giao dịch đưa tiền giữa bà U với ông D. Anh Trắng xác định hoàn toàn không có việc này.

Theo khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“1. Dương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp, ...”*. Nhưng trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay bà U không đưa ra được tài liệu hay chứng cứ gì để chứng minh cho việc bà có trả số tiền 10.000.000 đồng cho ông D để trừ số tiền nợ trên đối với bà C. Do đó, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày này của bà LTU.

[4] Xét yêu cầu của bà LTC về việc yêu cầu tính khoản tiền lãi chậm trả theo hai bên thỏa thuận với mức lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 11/4/2019 (âm lịch) nhằm ngày 15/5/2019 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (ngày 30/9/2022) đối với số tiền gốc 50.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”*.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc mua bán giữa hai bên có xảy ra trên thực tế, ông N và bà U thừa nhận còn thiếu của bà C số tiền là 50.000.000 đồng. Do đó, việc bà C yêu cầu ông N và bà U trả tiền lãi của số tiền chậm trả trên là có căn cứ nên được chấp nhận. Mặc khác, khi hai bên thực hiện giao dịch mua bán với nhau có thỏa thuận về lãi suất và việc thỏa thuận này giữa các bên đương sự không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xem xét tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 11/4/2019 (âm lịch) nhằm ngày 15/5/2019 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay ngày 30/9/2022 là được 40 tháng 15 ngày x 1%/tháng x 50.000.000 đồng = 20.250.000 đồng.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, có đủ cơ sở căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà LTC đối với ông LVN và bà LTU. Buộc ông LVN và bà LTU cùng có nghĩa vụ trả cho bà LTC và ông THD tổng số tiền là 70.250.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 50.000.000 đồng và số tiền lãi 20.250.000 đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà LTC không phải chịu, bà C đã nộp số tiền tạm ứng án phí 1.600.000 đồng ngày 15 tháng 6 năm 2022 theo biên lai thu số 0005281 được hoàn lại cho bà LTC tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL. Buộc ông LVN và bà LTU cùng có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.512.500 đồng (Ba triệu năm trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

[7] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 143, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà LTC đối với ông LVN và bà LTU về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

2/. Buộc ông LVN và bà LTU cùng có nghĩa vụ trả cho bà LTC và ông THD tổng số tiền là 70.250.000 đồng (Bảy mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

3/. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà LTC không phải chịu, bà C đã nộp số tiền tạm ứng án phí 1.600.000 đồng ngày 15 tháng 6 năm 2022 theo biên lai thu số 0005281 được hoàn lại cho bà LTC tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL. Buộc ông LVN và bà LTU cùng có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.512.500 đồng (Ba triệu năm trăm mười hai nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

4/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5/. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Danh Văn An